

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

MÔN: SINH 10

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm TBM Lần 1		
						HS1	HS2			Thi	TB Môn	KQ1
								4,0		6,0		
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	1203360050	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	19/09/2005	01DD13C1	3,0	7,0	5,7		6,4	6,1	Đạt
2	2203360173	Trần Văn	Anh	12/06/2005	02DD13C2	9,0	8,0	8,3		9,0	8,7	Đạt
3	2203360174	Lê Nhật	Anh	12/09/2003	02YS13C1	9,0	8,0	8,3			3,3	Thi lại
4	2203360368	Nguyễn Hoàng Văn	Anh	03/09/1993	02DD13C2	9,0	9,0	9,0		10,0	9,6	Đạt
5	1203360026	Đậu Thị	Duyên	24/04/2005	02DD13C1	9,0	9,0	9,0		10,0	9,6	Đạt
6	2203360278	Vũ Thị Bình	Dương	03/04/2002	02DD13C2	9,0	8,0	8,3		0,0	3,3	Thi lại
7	2203360146	Đinh Văn Thành	Đạt	10/08/2005	02DS13C1	7,0	8,0	7,7		8,5	8,2	Đạt
8	2203360323	Phan Thị Ngọc	Điệp	21/04/2002	02DD13C2	8,0	7,0	7,3		0,0	2,9	Thi lại
9	1203360139	Võ Nhật	Hào	24/04/2005	01DD13C1	10,0	9,0	9,3		9,8	9,6	Đạt
10	2203360138	Nguyễn Võ Anh	Hào	19/07/2005	02DS13C1	7,0	7,0	7,0			2,8	Thi lại
11	1203360080	Hoàng Thị	Hằng	09/12/2005	01DD13C1	5,0	9,0	7,7		8,9	8,4	Đạt
12	1203360170	Phạm Thị Thúy	Hằng	14/10/2002	01DS13C1	9,0	9,0	9,0		10,0	9,6	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm TBM Lần 1			
					HS1	HS2			Thi	TB Môn	KQ1	
							4,0		6,0			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
13	2203360030	Trần Mai	Hân	28/12/2005	02DS13C1	8,0	6,0	6,7		8,8	7,9	Đạt
14	2203360079	Đặng Hoàng Bảo	Hân	20/05/2005	02DS13C1	7,0	6,0	6,3		6,8	6,6	Đạt
15	2203360243	Phan Ngọc	Hân	20/06/2005	02DS13C2	7,0		2,3	TBKT		0,9	Học lại
16	2203360219	Trương Gia	Hân	12/09/2005	02YS13C1	9,0	8,0	8,3		10,0	9,3	Đạt
17	2203360041	Trương Thái	Hiền	21/04/1995	02DD13C2	9,0	8,0	8,3		7,0	7,5	Đạt
18	1203360180	Huỳnh Thị Minh	Hiếu	06/04/1997	01DS13C1	0,0	0,0	0,0	TBKT	0,0	0,0	Học lại
19	1203360148	Nguyễn Thị	Hoa	29/08/2005	01YS13C1	10,0	8,0	8,7		8,4	8,5	Đạt
20	2203360354	Fang Yi	Hong	16/10/1998	02DS13C2	9,0	9,0	9,0		8,8	8,9	Đạt
21	2203360083	Quảng Thị Bích	Hồng	11/10/2005	02DD13C1	8,0	7,0	7,3		3,0	4,7	Thi lại
22	2203360042	Nguyễn Phú Quốc	Hùng	10/05/2004	02YS13C1	10,0	10,0	10,0		6,0	7,6	Đạt
23	1203360086	Mai Xuân	Huy	26/01/2005	01YS13C1	8,0	8,0	8,0		7,1	7,5	Đạt
24	1203360078	Phạm Hoàng	Huy	13/02/2005	01DD13C1	7,0	8,0	7,7		9,3	8,7	Đạt
25	1203360106	Nguyễn Quốc	Huy	24/09/2005	01DD13C1	7,0	7,0	7,0		8,7	8,0	Đạt
26	1203360088	Lê Nguyễn Đức	Huy	04/09/2005	01DS13C1	6,0	9,0	8,0		9,8	9,1	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm TBM Lần 1			
					HS1	HS2			Thi	TB Môn	KQ1	
							4,0		6,0			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
27	1203360104	Đỗ Nguyễn Thu	Khanh	08/09/2005	01YS13C1	9,0	8,0	8,3		7,3	7,7	Đạt
28	2203360094	Trần Thị Ngọc	Khánh	18/09/2003	02DS13C1	7,0	6,0	6,3		7,8	7,2	Đạt
29	2203360154	Hồ Gia	Liên	23/11/2005	02DS13C2	8,0	7,0	7,3		8,8	8,2	Đạt
30	2203360161	Lê My	Linda	16/06/2003	02YS13C1			0,0	TBKT		0,0	Học lại
31	2203360142	Kiều Thùy	Linh	30/04/2005	02DS13C1	8,0	8,0	8,0		7,0	7,4	Đạt
32	2203360191	Lê Thị Ngọc	Linh	09/08/2005	02DS13C2	7,0	6,0	6,3		6,6	6,5	Đạt
33	2203360210	Phạm Nguyễn Khánh	Linh	12/06/2005	02DS13C2	7,0	7,0	7,0		7,6	7,4	Đạt
34	2203360167	Nguyễn Ngọc	Linh	03/12/2005	02DD13C2	9,0	9,0	9,0		8,0	8,4	Đạt
35	2203360206	Phùng Lâm Tuyết	Linh	08/09/2005	02DD13C2	10,0	10,0	10,0		10,0	10,0	Đạt
36	2203360247	Nguyễn Trinh Diệu	Linh	06/10/2005	02DD13C2	9,0	9,0	9,0		10,0	9,6	Đạt
37	1203360161	Phan Tấn	Lộc	10/05/2005	01DS13C1	9,0	9,0	9,0		10,0	9,6	Đạt
38	2203360123	Lê Ngô Thảo	Ly	14/01/2004	02DD13C1	7,0	7,0	7,0		7,0	7,0	Đạt
39	2203360296	Lê Ngọc	Mai	28/02/2005	02YS13C1	9,0	8,0	8,3		8,0	8,1	Đạt
40	2203360076	Đỗ Ngọc Diễm	My	28/10/2005	02YS13C1	7,0	7,0	7,0		10,0	8,8	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm TBM Lần 1			
					HS1	HS2			Thi	TB Môn	KQ1	
							4,0		6,0			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
41	2203360320	Nguyễn Thị Kim	Ngân	01/01/2003	02DS13C2	7,0	6,0	6,3		7,4	7,0	Đạt
42	2203360066	Trần Thị Mỹ	Ngân	10/12/2004	02DD13C1	10,0	10,0	10,0		10,0	10,0	Đạt
43	2203360081	Hồ Ngọc Bảo	Ngân	14/10/2005	02DD13C1	9,0	10,0	9,7		10,0	9,9	Đạt
44	2203360172	Nguyễn Trương Thảo	Ngọc	02/02/2005	02YS13C1	7,0	8,0	7,7		8,0	7,9	Đạt
45	2203360273	Phạm Nguyễn Thảo	Ngọc	12/05/2005	02DD13C2	8,0	7,0	7,3		9,0	8,3	Đạt
46	2203360087	Đặng Yến	Nhi	19/08/2005	02DS13C1	8,0	8,0	8,0		7,4	7,6	Đạt
47	2203360181	Đinh Thân Vương	Nhi	30/09/2005	02DS13C2	8,0	6,0	6,7		7,8	7,4	Đạt
48	1203360171	Nguyễn Hoàng Yến	Nhi	19/12/2004	02DS13C2	7,0	6,0	6,3		7,8	7,2	Đạt
49	2203360321	Trần Thị Hồng	Nhi	29/07/2005	02DS13C2			0,0	TBKT		0,0	Học lại
50	2203360127	Trần Ngọc Hà	Nhi	07/06/2005	02DD13C1	8,0	8,0	8,0		0,0	3,2	Thi lại
51	2203360337	Lâm Tuyết	Nhung	26/10/2005	02DS13C2	7,0	6,0	6,3		5,8	6,0	Đạt
52	1203360020	Lê Quỳnh	Như	24/12/2005	01DD13C1	8,0	9,0	8,7		8,7	8,7	Đạt
53	1203360033	Nguyễn Thị Thùy	Như	01/09/2005	01DD13C1	0,0	0,0	0,0	TBKT	0,0	0,0	Học lại
54	1203360100	Nguyễn Quỳnh	Như	01/11/2005	01DD13C1	6,0	7,0	6,7		7,6	7,2	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm TBM Lần 1			
					HS1	HS2			Thi	TB Môn	KQ1	
							4,0		6,0			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
55	2203360201	Hà Kiều	Oanh	31/01/2005	02DD13C2	9,0	9,0	9,0		10,0	9,6	Đạt
56	1203360158	Ngô Thị Ca	Pháp	11/11/1989	01DS13D1	8,0	8,0	8,0		8,0	8,0	Đạt
57	1203360040	Võ Diệp Thanh	Phong	13/06/2005	01YS13C1	4,0	8,0	6,7		0,0	2,7	Thi lại
58	2203360029	Nguyễn Kim	Phụng	16/09/1999	02DS13C1			0,0	TBKT		0,0	Học lại
59	2203360331	Nguyễn Thị Ngọc	Phương	28/06/2001	02YS13C2			0,0	TBKT		0,0	Học lại
60	2203360071	Tiết Thị Ngọc	Quý	13/05/2005	02DD13C2	9,0	8,0	8,3		10,0	9,3	Đạt
61	1203360138	Nguyễn Dương	Quốc	03/07/2005	01DS13C1	9,0	9,0	9,0		10,0	9,6	Đạt
62	2203360234	Lý Trần Thảo	Quyên	22/04/2005	02DD13C2	10,0	9,0	9,3		8,0	8,5	Đạt
63	1203360099	Nguyễn Như	Quỳnh	01/11/2005	01DD13C1	6,0	7,0	6,7		7,1	6,9	Đạt
64	2203360050	Nguyễn Mỹ	Tâm	28/12/2002	02DS13C1	8,0	6,0	6,7		8,4	7,7	Đạt
65	1203360120	Phan Cát	Tiên	02/10/2004	01DS13C1	8,0	7,0	7,3		9,6	8,7	Đạt
66	2203360060	Phạm Ngọc Thủy	Tiên	30/06/2005	02YS13C2	9,0	8,0	8,3		10,0	9,3	Đạt
67	2203360205	Trần Mỹ	Tiên	14/04/2005	02DD13C2	9,0	9,0	9,0		10,0	9,6	Đạt
68	1203360165	Huỳnh Thanh	Tú	01/11/2003	01YS13C1	4,0	8,0	6,7		8,0	7,5	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm TBM Lần 1			
					HS1	HS2			Thi	TB Môn	KQ1	
							4,0					6,0
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
69	2203360209	Đặng Anh	Tú	15/10/2005	02DD13C2	9,0	10,0	9,7		9,0	9,3	Đạt
70	2203360130	Trần Đình	Thanh	29/10/2005	02DS13C1			0,0	TBKT		0,0	Học lại
71	1203360023	Phan Thanh	Thảo	10/10/2005	01YS13C1	8,0	8,0	8,0		7,1	7,5	Đạt
72	1203360178	Lê Thanh	Thảo	31/10/2003	01DS13C1	9,0	9,0	9,0		9,6	9,4	Đạt
73	2203360051	Trần Thị Thanh	Thảo	24/10/2005	02YS13C2	9,0	8,0	8,3		9,0	8,7	Đạt
74	2203360165	Lê Thanh	Thúy	19/04/2005	02DS13C2	7,0	6,0	6,3		7,2	6,8	Đạt
75	2203360160	Nguyễn Anh	Thư	05/10/2004	02YS13C1	10,0	10,0	10,0		0,0	4,0	Thi lại
76	2203360271	Nguyễn Hoàng Anh	Thư	09/08/2005	02DD13C2			0,0	TBKT		0,0	Học lại
77	1203360152	Đặng Thị Hoài	Thương	19/10/2005	01DS13C1	7,0	7,0	7,0		9,6	8,6	Đạt
78	1203360047	Nguyễn Thị Thu	Trang	24/10/2005	01DD13C1	5,0	7,0	6,3		9,8	8,4	Đạt
79	2203360265	Trần Võ Hà	Trang	25/02/2005	02DS13C2	7,0	6,0	6,3		8,2	7,4	Đạt
80	2203360036	Bùi Thị Huyền	Trang	04/04/2005	02DD13C1	7,0	8,0	7,7		9,0	8,5	Đạt
81	2203360103	Nguyễn Trần Thanh	Trâm	19/08/2004	02DD13C1	6,0	7,0	6,7		9,0	8,1	Đạt
82	2203360230	Trần Thị Minh	Trâm	08/02/2005	02DD13C2	7,0	9,0	8,3		9,0	8,7	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm TBM Lần 1			
					HS1	HS2			Thi	TB Môn	KQ1	
							4,0		6,0			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
83	1203360091	Nguyễn Huỳnh Bảo	Trân	06/09/2005	01DS13C1	7,0	7,0	7,0		0,0	2,8	Thi lại
84	2203360233	Văn Nguyễn Ngọc	Trân	20/10/2005	02DS13C2	8,0	8,0	8,0		7,8	7,9	Đạt
85	2203360070	Phạm Thị Huyền	Trân	17/03/2004	02DD13C1	9,0	10,0	9,7		10,0	9,9	Đạt
86	2203360058	Nguyễn Ngọc Tuyết	Trân	13/11/2005	02DD13C2	8,0	8,0	8,0		10,0	9,2	Đạt
87	2203360228	Nguyễn Trần Phương	Trình	12/11/2005	02DS13C2	7,0	6,0	6,3		7,2	6,8	Đạt
88	2203360300	Nguyễn Cao Vân	Trình	13/11/2005	02DS13C2	8,0	6,0	6,7		7,2	7,0	Đạt
89	2203360124	Lê Thị Phương	Trúc	29/12/2005	02DD13C1	7,0	7,0	7,0		8,0	7,6	Đạt
90	2203360223	Nguyễn Thị Thủy	Trúc	12/02/2005	02DD13C2	8,0	9,0	8,7		10,0	9,5	Đạt
91	1203360067	Nguyễn Văn Tuấn	Trường	05/03/2005	01DS13C1	0,0	0,0	0,0	TBKT	0,0	0,0	Học lại
92	2203360198	Nguyễn Lâm Kim	Uyên	04/11/2005	02DS13C2	8,0	7,0	7,3			2,9	Thi lại
93	2203360115	Trần Võ Hạnh	Vân	23/10/2005	02DS13C1	7,0	6,0	6,3		8,0	7,3	Đạt
94	2203360044	Nguyễn Thanh	Vi	25/04/1999	02DD13C2	9,0	8,0	8,3		0,0	3,3	Thi lại
95	1203360151	Trần Duy	Vũ	18/03/2005	01DD13C1	5,0	9,0	7,7		9,6	8,8	Đạt
96	1203360092	Nguyễn Thị Tường	Vy	26/09/2005	01DD13C1	7,0	7,0	7,0		8,0	7,6	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm TBM Lần 1			
					HS1	HS2			Thi	TB Môn	KQ1	
							4,0		6,0			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
97	1203360093	Nguyễn Thị Phương	Vy	02/07/2005	01DD13C1	7,0	7,0	7,0		8,0	7,6	Đạt
98	2203360144	Trần Quế Hà	Vy	11/04/2005	02DS13C1	7,0	7,0	7,0		7,6	7,4	Đạt
99	2203360225	Phan Thảo	Vy	19/06/2004	02YS13C1			0,0	TBKT		0,0	Học lại
100	1203360027	Trần Ngọc Tường	Vy	20/04/2005	02DD13C1	8,0	9,0	8,7		10,0	9,5	Đạt
101	2203360182	Ngô Ngọc Yến	Vy	16/07/2004	02DD13C2	7,0	8,0	7,7		6,0	6,7	Đạt
102	2203360225	Phan Thảo	Vy	19/06/2004	02YS13C1	10,0	10,0	10,0		0,0	4,0	Thi lại
103	2203360266	Phạm Thảo	Vy	03/01/2005	02DD13C2	10,0	10,0	10,0		10,0	10,0	Đạt
104	1203360045	Nguyễn Thị Như	Ý	05/02/2005	02DS13C1	7,0	6,0	6,3		7,8	7,2	Đạt
105	2203360264	Huỳnh Như	Ý	18/09/2004	02YS13C1	8,0	8,0	8,0		10,0	9,2	Đạt
106	1203360041	Phan Thị Xuân	Yến	03/06/2005	01DD13C1	6,0	7,0	6,7		4,2	5,2	Đạt
107	1203360147	Nguyễn Hoàng	Yến	19/01/2004	01DD13C1	8,0	9,0	8,7		9,6	9,2	Đạt